K□T QU□ TH□ XÉT TN THPT (THEO K□T QU□ THI TH□ L□N 2)- XEM THEO S□ BÁO DANH (XIN PHÉP KHÔN

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

K□T QU□ TH□ XÉT TN THPT (THEO K□T QU□ THI TH□ L□N 2)- XEM THEO S□ BÁO DANH (XIN PHÉP KHÔN

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆP ĐỨC — KẾT QUẢ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2- NĂM 2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB	KK	Diện	Văn	Toán	Anh	Môn1	Môn2	Môn3	TH	ĐXTN	Kết quả
1	735001		07/08/2001	Tdo	6.7	2	3							0.00	2.36	Không
2	735002		24/09/2003	12/5	8.9	2	2	6.50	8.0	3.6	6.00	7.50	6.25	6.58	7.34	Đỗ
3	735003		02/04/2003	12/2	6.8	2	2	3.25	1.8	3.0	2.25	3.75	6.25	4.08	4.51	Không
4	735004		28/04/2003	12/6	8.4	4	2	4.50	7.6	3.6	6.00	7.75	5.00	6.25	7.06	Đỗ
5	735005		13/10/2003	12/3	7.1	2	3	6.25	2.8	2.4	2.75	6.00	7.00	5.25	5.40	Đỗ
6	735006		04/06/2003	12/6	7.7	2	2	6.50	8.0	3.0	5.25	5.00	8.00	6.08	6.79	Đỗ
7	735007		14/01/2003	12/2	7.8	2	2	6.50	6.6	4.8	3.25	6.50	7.25	5.67	6.81	Đỗ
8	735008		11/04/2003	12/1	8.1	2	2	5.25	8.0	4.0	6.00	8.50	6.00	6.83	6.99	Đỗ
9	735009		26/10/2003	12/4	7.4	2	2	5.25	4.2	3.6	3.50	4.75	5.50	4.58	5.66	Đỗ
10	735010		30/03/2003	12/6	7.1	2	2	4.50	3.6	1.8	2.25	5.25	7.00	4.83	5.06	Đỗ
11	735011		02/03/2003	12/3	6.7	2	3	2.25	2.2	2.8	2.25	4.25	5.25	3.92	4.31	Không
12	735012		11/07/2003	12/4	8.4	2	2	7.00	8.4	5.4	3.00	7.00	8.00	6.00	7.56	Đỗ
13	735013		20/11/2003	12/1	7.5	2	2	2.50	3.4	4.0	2.50	8.00	7.50	6.00	5.38	Đỗ
14	735014		09/02/2003	12/2	7.9	2	2	5.50	7.2	4.4	5.00	6.00	3.75	4.92	6.57	Đỗ
15	735015		17/02/2003	12/6	6.0	2	2							0.00	2.15	Đỗ
16	735016		09/10/2003	12/6	7.8	2	2	4.25	5.6	2.6	3.00	8.00	8.25	6.42	5.99	Đỗ
17	735017		02/01/2003	12/5	7.8	2	2	4.00	6.6	1.4	2.75	6.75	7.25	5.58	5.77	Đỗ
18	735018		16/09/2003	12/5	8.3	2	2	5.75	7.2	3.0	5.50	7.50	1.75	4.92	6.49	Đỗ
19	735019		27/11/2003	12/3	7.0	2	3	3.25	1.8	2.2	2.75	5.00	7.00	4.92	4.58	Đỗ
20	735020		22/11/2003	12/6	7.3	2	2	2.25	4.4	2.4	1.25	4.50	6.75	4.17	4.85	Đỗ
21	735021		15/06/2003	12/5	6.7	2	2	3.50	4.8	2.2	2.25	6.25	6.25	4.92	5.06	Đỗ
22	735022		25/11/2003	12/4	7.2	2	2	4.25	5.2	1.8	2.25	5.00	5.50	4.25	5.22	Đỗ
23	735023		26/06/2003	12/5	7.2	2	2	2.50	6.0	2.6	2.75	6.75	7.75	5.75	5.46	Đỗ
24	735024		29/09/2003	12/1	7.3	2	2	3.50	1.8	2.0	2.75	4.00	6.00	4.25	4.56	Không
25	735025		07/10/2003	12/2	6.5	2	2	1.75						0.00	2.61	Không
26	735026		12/10/2002	Tdo	6.3		2	1.25						0.00	2.11	Không
27	735027		28/01/2003	12/2	7.2	2	2	4.00	5.2	2.0	2.25	5.75	7.50	5.17	5.37	Đỗ
28	735028		01/01/2003	12/2	7.9	2	2							0.00	2.72	Không
29	735029		14/06/2003	12/3	6.4	2	3	1.75	2.0	1.8	2.00	3.75	4.25	3.33	3.82	Không
30	735030		01/01/2003	12/4	8.0	2	2	5.00	5.0	2.8	3.50	5.50	5.75	4.92	5.85	Đỗ
31	735031		30/08/2003	12/6	7.2	2	2	3.50	3.4	2.0	3.25	6.50	8.00	5.92	5.10	Đỗ
32	735032		20/02/2003	12/1	8.4	2	2	3.50	7.0	7.8	3.25	6.00	7.25	5.50	7.04	Đỗ
33	735033		12/12/2003	12/6	8.3	2	2	4.00	9.8	3.4	7.50	8.25	2.75	6.17	6.93	Đỗ
34	735034		10/03/2003	12/1	7.2	2	2	5.00	3.6	3.6	2.25	6.00	8.25	5.50	5.61	Đỗ
35	735035		04/02/2003	12/5	7.5	2	2	3.50	2.6	3.4	5.50	9.50	8.75	7.92	5.65	Đỗ
36	735036		05/10/2003	12/5	7.0	2	2	2.25	3.4	2.4	3.25	6.75	6.50	5.50	4.82	Đỗ
37	735037		13/10/2003	12/1	7.2	2	2	4.50	3.0	2.6	3.00	5.50	7.00	5.17	5.18	Đỗ
38	735038		09/09/2003	12/4	7.8	2	2	6.25	5.8	4.4	3.75	7.50	7.50	6.25	6.66	Đỗ
39	735039		02/07/2003	12/6	6.7	2	2	3.75	2.2	3.8	3.75	4.00	5.75	4.50	4.85	Đỗ
40	735040		20/10/2003	12/3	6.3	2	3	1.25	2.4	1.8	2.75	2.25	3.00	2.67	3.66	Không
41	735041		15/08/2003	12/3	7.1	2	3	3.50	4.4	2.8	2.25	4.75	6.25	4.42	5.13	Đỗ
42	735042		17/08/2003	12/1	7.9	2	2	5.50	6.8	3.4	3.00	6.75	6.50	5.42	6.42	Đỗ
43	735043		11/10/2003	12/5	6.9	2	2	1.25	3.2	1.4	3.75	3.50	6.00	4.42	4.22	Không
44	735044		08/07/2003	12/5	7.2	2	2	3.25	5.0	2.8	3.00	4.75	7.25	5.00	5.32	Đỗ
45	735045		06/08/2003	12/6	7.8	2	2	4.00	4.4	4.8	3.75	5.50	6.00	5.08	5.89	Đỗ
46	735046		04/01/2003	12/2	8.3	2	2	3.50	9.2	4.2	7.75	8.00	2.75	6.17	6.88	Đỗ
47	735047		18/08/2003	12/2	8.0	2	2	4.25	8.2	3.8	2.25	5.00	7.25	4.83	6.44	Đỗ
48	735048		20/03/2003	12/4	8.4	2	2	6.25	8.4	4.2	6.75	3.75	1.50	4.00	6.87	Đỗ
49	735049		24/04/2003	12/5	7.7	2	2	4.75	6.2	4.0	4.00	6.50	4.00	4.83	6.12	Đỗ
50	735050		01/06/2003	12/1	7.6	2	2	3.00	5.8	2.4	3.25	3.25	5.25	3.92	5.28	Đỗ
51	735051		02/05/2003	12/3	6.5	2	3	1.25	3.6	3.0	2.00	3.50	2.75	2.75	4.16	Không
52	735052		20/11/2003	12/3	6.6	2	3	2.25	2.4	1.4	2.00	2.75	6.50	3.75	4.05	Không
53	735053		17/12/2003	12/6	7.9	2	2	5.75	8.6	2.4	4.25	6.25	5.00	5.17	6.56	Đỗ
54	735054		22/01/2003	12/6	8.3	2	2	3.25	8.2	2.8	5.25	6.50	3.50	5.08	6.22	Đỗ
55	735055		20/08/2003	12/5	7.1	2	2	2.75	6.0	2.0	3.75	5.00	4.50	4.42	5.13	Đỗ

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

K□T QU□ TH□ XÉT TN THPT (THEO K□T QU□ THI TH□ L□N 2)- XEM THEO S□ BÁO DANH (XIN PHÉP KHÔN

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆP ĐỨC — KẾT QUẢ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2- NĂM 2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB	KK	Điện	Văn	Toán	Anh	Môn1	Môn2	Môn3	TH	ĐXTN	Kết quả
56	735056		14/09/2003	12/1	7.5	2	2	3.50	5.2	2.8	4.75	5.75	8.50	6.33	5.72	Đỗ
57	735057		12/10/2003	12/6	7.3	2	2	2.00	4.0	3.4	2.25	3.50	5.75	3.83	4.86	Đỗ
58	735058		09/05/2003	12/6	7.3	2	2	2.75	2.4	2.8	3.50	5.50	6.75	5.25	4.85	Đỗ
59	735059		12/08/2003	12/4	9.0	2	2	5.75	9.4	7.6	7.50	7.75	3.25	6.17	8.11	Đỗ
60	735060		04/06/2003	12/1	8.2	2	2	6.75	7.8	4.8	3.25	7.25	6.25	5.58	7.17	Đỗ
61	735061		15/04/2003	12/3	7.0	2	3	4.00	1.6	3.0	2.75	3.25	6.25	4.08	4.67	Đỗ
62	735062		01/09/2003	12/3	7.3	2	3	3.25	3.2	2.6	4.75	5.25	6.75	5.58	5.10	Đỗ
63	735063		05/10/2003	12/2	8.1	2	2	6.25	4.8	5.2	3.25	6.25	7.75	5.75	6.63	Đỗ
64	735064		01/01/2003	12/3	7.2	2	3	3.50	3.2	2.4	2.25	5.25	7.50	5.00	4.98	Đỗ
65	735065		07/09/2003	12/1	7.6	2	2	3.50	6.0	4.0	2.50	7.25	6.25	5.33	5.93	Đỗ
66	735066		14/06/2003	12/6	7.8	2	2	4.00	7.8	3.2	2.75	6.50	4.25	4.50	6.10	Đỗ
67	735067		19/11/2003	12/4	7.9	2	2	6.00	5.6	5.2	4.00	7.25	8.25	6.50	6.80	Đỗ
68	735068		27/04/2003	12/1	8.6	2	2	2.75	8.8	6.8	6.75	6.00	3.50	5.42	7.09	Đỗ
69	735069		20/10/2003	12/1	7.4	2	2	1.75	3.6	3.2	2.00	6.00	8.50	5.50	5.03	Đỗ
70	735070		17/12/2003	12/3	6.7	2	3	2.50	1.2	2.8	2.75	3.25	4.00	3.33	4.08	Không
71	735071		08/01/2002	12/3	6.5	2	3	2.25	2.4	3.0	2.50	3.25	4.50	3.42	4.24	Không
72	735072		20/09/2003	12/1	7.4	2	2	3.50	3.4	2.0	2.75	3.00	4.25	3.33	4.71	Không
73	735073		14/04/2003	12/3	6.9	3.5	3	3.00	2.2	1.6	3.50	4.25	6.00	4.58	4.67	Đỗ
74	735074		19/03/2003	12/3	6.5	2	3	2.50	3.4	3.2	3.75	3.75	8.00	5.17	4.80	Đỗ
75	735075		01/01/2003	12/6	7.5	2	2	4.50	5.6	2.6	2.25	4.25	3.25	3.25	5.39	Đỗ
76	735076		11/08/2003	12/3	7.1	2	3	4.00	2.4	3.6	1.50	2.75	2.25	2.17	4.61	Đỗ
77	735077		28/05/2003	12/1	7.8	2	2	5.25	4.4	3.2	3.50	4.25	5.75	4.50	5.73	Đỗ
78	735078		16/09/2003	12/1	7.1	2	2	3.00	3.4	2.0	3.00	4.00	5.25	4.08	4.66	Không
79	735079		13/09/2003	12/2	7.0	2	2	5.00	3.8	2.8	3.50	5.00	6.25	4.92	5.34	Đỗ
80	735080		10/01/2003	12/2	8.6	2	2	6.50	8.6	7.0	5.75	4.50	5.50	5.25	7.72	Đỗ
81	735081		01/01/2003	12/6	7.5	2	2	5.75	7.6	3.0	3.75	6.25	8.25	6.08	6.53	Đỗ
82	735082		20/05/2003	12/1	7.4	2	2	5.75	4.4	2.2	3.00	4.50	5.75	4.42	5.50	Đỗ
83	735083		02/01/2003	12/1	7.1	2	2	5.75	4.4	3.4	4.00	8.00	8.00	6.67	6.02	Đỗ
84	735084		24/06/2003	12/4	8.4	3	2	7.25	8.8	6.2	3.25	5.75	8.50	5.83	7.96	Đỗ
85	735085		02/11/2003	12/4	8.3	2	2	2.50	8.6	2.4	4.00	4.75	4.00	4.25	5.95	Đỗ
86	735086		25/01/2003	12/3	6.8	2	3	3.25	2.6	3.2	1.25	5.00	4.75	3.67	4.62	Đỗ
87	735087		01/01/2003	12/3	6.7	2	3	3.25	2.2	3.0	2.00	3.50	3.50	3.00	4.36	Không
88	735088		14/08/2003	12/2	7.2	2	2	4.00	5.4	3.6	3.00	5.00	8.00	5.33	5.72	Đỗ
89	735089		01/04/2003	12/2	7.4	2	2	5.25	4.0	3.6	2.50	4.75	8.00	5.08	5.71	Đỗ
90	735090		24/07/2003	12/2	7.1	2	2	6.50	3.4	4.0	6.00	6.25	7.25	6.50	6.05	Đỗ
91	735091		24/07/2003	12/4	7.9	2	2	5.00	5.2	4.6	4.50	6.00	6.50	5.67	6.30	Đỗ
92	735092		31/08/2003	12/6	7.7	2	2	4.75	5.6	2.8	3.75	6.50	4.25	4.83	5.81	Đỗ
93	735093		03/07/2003	12/6	7.4	2	2	5.00	3.8	2.8	3.75	6.00	5.75	5.17	5.50	Đỗ
94	735094		05/06/2003	12/3	7.3	2	3	4.75	4.0	3.4	3.50	3.75	7.50	4.92	5.53	Đỗ
95	735095		29/05/2003	12/3	7.1	2	3	4.00	4.6	3.6	3.00	5.00	6.75	4.92	5.48	Đỗ
96	735096		19/07/2003	12/4	7.5	2	2	3.50	5.6	2.6	3.50	5.25	7.50	5.42	5.60	Đỗ
97	735097		20/07/2003	12/1	7.6	2	2	6.75	6.4	2.8	2.75	6.50	7.25	5.50	6.38	Đỗ
98	735098		01/06/2003	12/6	8.2	2	2	5.75	7.8	4.2	5.50	5.00	6.00	5.50	6.88	Đỗ
99	735099		09/04/2003	12/4	7.7	2	2	4.00	6.8	5.0	3.75	6.50	8.25	6.17	6.50	Đỗ
100	735100		06/02/2003	12/2	8.2	2	2	2.50	8.6	7.4	4.50	5.50	3.25	4.42	6.82	Đỗ
101	735101		26/08/2003	12/1	7.6	2	2	4.25	4.2	6.8	3.75	5.50	7.00	5.42	6.25	Đỗ
102	735102		10/01/2003	12/6	7.9	2	2	8.00	5.8	6.2	6.00	7.00	9.00	7.33	7.50	Đỗ
103	735103		08/07/2003	12/6	7.2	2	2	3.25	2.6	2.2	2.25	5.00	5.75	4.33	4.68	Không
104	735104		08/05/2003	12/2	8.4	2	2	5.50	8.2	4.4	5.75	7.25	2.50	5.17	6.94	Đỗ
105	735105		15/10/2003	12/4	7.9	2	2	1.00	7.4	7.2	4.25	5.50	3.75	4.50	6.24	Không
106	735106		16/01/2003	12/1	6.3	2	2	1.00	3.2	2.8	2.00	2.50	4.25	2.92	3.98	Không
107	735107		18/10/2003	12/5	8.7	2	2	7.00	8.4	4.6	4.50	6.25	3.25	4.67	7.28	Đỗ
108	735108		07/08/2003	12/2	7.6	2	2							0.00	2.63	Không
109	735109		21/06/2003	12/4	8.1	2	2	6.25	8.4	5.4	6.00	6.25	5.00	5.75	7.30	Đỗ
110	735110		27/05/2003	12/4	8.3	2	2	5.00	7.6	2.4	4.25	4.25	4.50	4.33	6.22	Đỗ

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

K□T QU□ TH□ XÉT TN THPT (THEO K□T QU□ THI TH□ L□N 2)- XEM THEO S□ BÁO DANH (XIN PHÉP KHÔN

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆP ĐỨC — KẾT QUẢ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2- NĂM 2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB	KK	Diện	Văn	Toán	Anh	Môn1	Môn2	Môn3	TH	ĐXTN	Kết quả
111	735111		24/04/2003	12/2	7.3	2	2	2.50	4.4	2.8	4.75	6.00	5.50	5.42	5.19	Đỗ
112	735112		12/07/2003	12/1	7.5	2	2	3.00	4.2	2.8	2.00	6.00	7.00	5.00	5.23	Đỗ
113	735113		13/07/2003	12/1	8.4	2	2	5.00	8.2	5.0	4.00	4.25	3.75	4.00	6.76	Đỗ
114	735114		01/02/2003	12/3	6.5	2	3							0.00	2.30	Không
115	735115		10/07/2003	12/6	8.2	2	2	6.00	8.0	4.6	6.25	7.50	5.00	6.25	7.16	Đỗ
116	735116		25/01/2003	12/3	6.9	2	3	3.50	3.0	1.8	3.75	5.25	4.75	4.58	4.67	Đỗ
117	735117		01/01/2003	12/2	7.2	2	2	3.50	4.0	2.6	2.75	5.00	5.50	4.42	5.05	Đỗ
118	735118		20/10/2003	12/4	7.1	2	2	3.00	3.2	4.2	3.25	3.75	5.75	4.25	5.04	Đỗ
119	735119		01/11/2003	12/1	8.7	2	2	4.25	8.8	7.0	8.25	5.75	5.75	6.58	7.62	Đỗ
120	735120		19/05/2003	12/6	6.5	2	2	3.00	3.2	2.2	3.25	6.50	7.50	5.75	4.78	Đỗ
121	735121		19/07/2003	12/2	8.6	2	2	7.00	9.2	8.8	8.00	2.75	4.50	5.08	8.19	Đỗ
122	735122		09/07/2003	12/1	7.2	2	2	3.25	4.4	3.6	5.00	6.50	7.75	6.42	5.60	Đỗ
123	735123		16/08/2003	12/5	7.8	2	2	4.00	7.6	3.4	6.00	2.50	1.25	3.25	5.88	Đỗ
124	735124		15/07/2003	12/6	8.0	2	2	6.75	7.0	5.0	3.75	5.75	7.50	5.67	7.02	Đỗ
125	735125		27/02/2003	12/4	7.7	2	2	5.00	4.4	8.2	2.50	6.75	7.50	5.58	6.72	Đỗ
126	735126		19/11/2003	12/2	7.1	2	2	3.75	3.4	5.0	4.25	5.00	5.25	4.83	5.45	Đỗ
127	735127		25/11/2003	12/5	8.0	2	2	2.75	8.8	4.2	7.00	8.00	4.75	6.58	6.66	Đỗ
128	735128		14/05/2003	12/4	7.9	2	2	5.00	7.0	5.8	6.00	7.00	7.25	6.75	7.02	Đỗ
129	735129		04/01/2003	12/6	7.6	2	2	3.00	6.2	3.4	4.00	2.25	1.75	2.67	5.30	Đỗ
130	735130		22/04/2003	12/6	7.6	2	2	2.25	5.6	3.8	2.25	6.00	8.25	5.50	5.63	Đỗ
131	735131		06/10/2002	12/3	7.2	2	3	4.50	2.4	3.0	3.00	6.00	6.50	5.17	5.15	Đỗ
132	735132		15/10/2001	Tdo	6.4	2	3	1.50	3.2	2.0	2.25	4.00	3.25	3.17	4.00	Không
133	735133		08/11/2003	12/1	7.1	2	2	3.00	3.4	2.2	1.75	4.25	6.25	4.08	4.70	Không
134	735134		02/01/2003	12/3	7.3	2	3	4.75	1.6	2.8	3.25	6.25	6.50	5.33	5.07	Đỗ
135	735135		16/01/2003	12/6	7.5	2	2	5.50	6.2	2.2	3.75	6.00	7.00	5.58	6.01	Đỗ
136	735136		01/01/2003	12/6	8.1	2	2		8.2	2.6	5.25	6.00	3.50	4.92	5.53	Đỗ
137	735137		01/05/2003	12/1	6.9	2	2	3.50	3.2	2.6	2.75	3.25	5.00	3.67	4.69	Không
138	735138		09/05/2003	12/2	7.8	2	2	5.25	7.8	2.8	4.75	6.50	2.75	4.67	6.28	Đỗ
139	735139		14/11/2003	12/1	8.0	2	2	8.00	6.8	7.4	4.25	6.75	8.00	6.33	7.74	Đỗ
140	735140		06/08/2003	12/5	7.1	2	2	4.75						0.00	3.31	Không
141	735141		04/07/2002	Tdo	6.8	2	3	4.75	3.0	3.2	2.75	2.75	5.00	3.50	4.92	Đỗ
142	735142		16/10/2003	12/4	8.8	2	2	5.50	8.4	6.2	6.50	5.50	3.50	5.17	7.41	Đỗ
143	735143		01/10/2003	12/3	6.9	2	3	3.50	1.8	2.6	3.25	5.00	4.75	4.33	4.56	Đỗ
144	735144		10/10/2003	12/5	7.4	2	2	3.50	4.0	3.0	2.75	4.25	6.00	4.33	5.17	Đỗ
145	735145		24/07/2003	12/4	8.0	2	2	3.75	8.0	3.2	5.75	4.50	2.50	4.25	6.11	Đỗ
146	735146		07/05/2003	12/1	8.5	3.5	2	5.50	9.8	4.2	9.50	9.00	4.25	7.58	7.90	Đỗ
147	735147		03/03/2003	12/5	7.5	2	2	4.00	4.8	6.0	5.75	7.50	9.50	7.58	6.52	Đỗ
148	735148		07/04/2003	12/5	7.1	2	2	3.50	7.0	3.2	5.00	4.25	2.25	3.83	5.55	Đỗ
149	735149		08/09/2003	12/6	8.4	2	2	4.50	9.6	4.8	8.25	8.25	3.50	6.67	7.34	Đỗ
150	735150		27/02/2003	12/5	8.4	2	2	4.75	9.2	2.2	9.25	7.75	4.00	7.00	6.92	Đỗ
151	735151		03/01/2003	12/2	7.2	2	2	3.50	5.6	2.8	4.75	6.75	8.00	6.50	5.73	Đỗ
152	735152		26/04/2003	12/4	7.8	2	2	5.00	4.4	2.2	3.25	4.25	6.00	4.50	5.51	Đỗ
153	735153		09/01/2003	12/3	6.9	2	3	3.50	2.2	2.6	2.75	5.00	5.50	4.42	4.65	Đỗ
154	735154		27/03/2003	12/3	6.8	2	3	3.00	1.0	2.8	2.75	4.75	4.25	3.92	4.27	Không
155	735155		14/04/2003	12/4	7.3	2	2	3.50	5.0	2.8	3.25	5.75	7.75	5.58	5.49	Đỗ
156	735156		08/06/2003	12/3	6.4	2	3	2.75	2.4	3.0	1.25	3.25	3.25	2.58	4.15	Không
157	735157		14/07/2003	12/6	8.6	2	2	6.00	9.2	3.4	8.50	7.50	2.00	6.00	7.24	Đỗ
158	735158		10/02/2003	12/1	7.7	2	2	3.50	4.6	3.2	2.25	5.25	1.50	3.00	5.16	Đỗ
159	735159		03/09/2003	12/5	8.7	2	2	5.50	8.2	4.6	6.50	7.00	4.25	5.92	7.20	Đỗ
160	735160		02/02/2003	12/1	7.9	2	2	4.50	5.2	4.2	3.50	6.75	5.75	5.33	6.09	Đỗ
161	735161		14/09/2002	12/3	6.6	2	3							0.00	2.33	Không
162	735162		22/07/2003	12/6	7.2	2	2	4.25	4.2	1.8	4.00	6.00	6.00	5.33	5.24	Đỗ
163	735163		28/02/2003	12/5	7.6	2	2	4.00	4.4	4.0	4.25	5.25	7.00	5.50	5.76	Đỗ
164	735164		11/04/2003	12/3	6.8	2	3	3.50	2.4	4.4	2.00	2.25	4.50	2.92	4.70	Đỗ
165	735165		15/02/2003	12/4	8.8	2	2	7.00	9.0	7.4	4.75	8.00	5.25	6.00	8.14	Đỗ

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

K□T QU□ TH□ XÉT TN THPT (THEO K□T QU□ THI TH□ L□N 2)- XEM THEO S□ BÁO DANH (XIN PHÉP KHÔN

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆP ĐỨC			KẾT QUẢ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2- NĂM 2021													
TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB	KK	Diện	Văn	Toán	Anh	Môn1	Môn2	Môn3	TH	ĐXTN	Kết quả
166	735166		28/05/2003	12/4	6.7	2	2	4.00	3.4	2.6	1.75	5.50	6.75	4.67	4.93	Đỗ
167	735167		11/11/2003	12/4	7.3	2	2	3.50	2.2	2.4	1.75	5.75	5.50	4.33	4.72	Không
168	735168		18/09/2003	12/1	8.0	2	2	5.00	6.0	5.0	3.75	4.25	3.25	3.75	6.21	Đỗ
169	735169		14/05/2003	12/6	7.7	2	2	4.50	5.8	1.8	3.00	4.25	6.25	4.50	5.57	Đỗ
170	735170		16/09/2003	12/6	7.5	2	2	4.00	6.8	4.0	3.50	6.25	8.00	5.92	6.23	Đỗ
171	735171		27/09/2003	12/4	8.0	2	2	4.50	6.8	3.6	2.25	5.00	6.75	4.67	6.17	Đỗ
172	735172		20/10/2003	12/6	8.7	2	2	6.50	8.4	4.6	3.75	8.25	6.25	6.08	7.44	Đỗ
173	735173		01/10/2003	12/5	8.9	3	2	9.00	7.4	6.8	8.75	9.50	9.00	9.08	8.84	Đỗ
174	735174		21/02/2003	12/5	7.8	2	2	6.50	4.8	2.6	5.25	6.25	9.00	6.83	6.32	Đỗ
175	735175		19/03/2003	12/4	7.5	2	2	5.00	5.8	2.6	4.00	6.50	7.75	6.08	6.01	Đỗ
176	735176		04/05/2003	12/2	7.8	2	2	5.50	5.8	3.2	4.50	5.00	7.00	5.50	6.19	Đỗ
177	735177		19/11/2003	12/1	7.1	2	2	3.50	6.4	3.0	2.50	5.50	7.50	5.17	5.64	Đỗ
178	735178		29/11/2003	12/5	7.6	2	2	5.50	7.0	2.8	5.00	6.00	8.50	6.50	6.45	Đỗ
179	735179		14/09/2003	12/2	7.5	2	2	3.50	7.2	2.4	4.25	7.25	8.00	6.50	6.03	Đỗ
180	735180		02/05/2003	12/2	8.5	2	2	4.50	8.4	7.6	6.50	3.50	3.75	4.58	7.29	Đỗ
181	735181		06/07/2003	12/5	7.4	2	2	3.25	6.2	2.6	3.25	8.00	8.50	6.58	5.83	Đỗ
182	735182		08/09/2003	12/5	7.4	2	2	7.50	7.2	4.8	3.75	7.75	8.50	6.67	7.15	Đỗ
183	735183		16/06/2003	12/4	8.8	3	2	4.00	9.2	8.2	9.00	6.00	5.25	6.75	8.09	Đỗ
184	735184		05/05/2003	12/1	7.2	2	2	6.00	4.8	2.0	3.50	6.00	8.50	6.00	5.80	Đỗ
185	735185		03/03/2003	12/5	8.0	2	2	5.25	7.2	4.0	5.50	6.75	5.00	5.75	6.64	Đỗ
186	735186		24/04/2003	12/2	7.4	2	2	5.00	4.4	4.0	4.50	5.25	6.75	5.50	5.88	Đỗ
187	735187		28/04/2003	12/1	8.1	2	2	7.00	6.8	3.8	4.25	6.25	8.25	6.25	6.95	Đỗ
188	735188		22/04/2003	12/2	7.1	2	2	3.00	4.6	4.4				0.00	4.58	Không
189	735189		11/01/2003	12/4	7.5	2	2							0.00	2.60	Không
190	735190		29/05/2003	12/2	7.9	2	2	4.50	8.0	4.0	6.00	7.75	3.00	5.58	6.58	Đỗ
191	735191		02/01/2003	12/6	8.2	2	2	7.25	8.0	4.2	5.00	5.75	4.00	4.92	7.07	Đỗ
192	735192		17/06/2003	12/2	8.2	2	2	6.50	7.2	6.4	4.00	7.50	4.25	5.25	7.25	Đỗ
193	735193		06/04/2003	12/4	7.5	2	2	5.50	4.8	5.6	2.75	6.25	7.50	5.50	6.35	Đỗ
194	735194		25/06/2003	12/4	7.0	2	2	3.50	3.0	2.8	2.75	6.25	6.75	5.25	5.00	Đỗ
195	735195		26/06/2003	12/5	7.1	2	2	4.25	3.2	2.4	3.75	6.00	7.50	5.75	5.21	Đỗ
196	735196		22/04/2001	Tdo	6.2	2	2							0.00	2.21	Không
197	735197		25/11/2003	12/4	7.1	3	2	3.00	4.8	4.0	1.25	2.75	2.75	2.25	5.11	Đỗ
198	735198		15/09/2003	12/5	8.4	2	2	6.25	7.2	6.8	4.75	7.00	8.00	6.58	7.57	Đỗ
199	735199		24/04/2003	12/2	7.8	2	2	6.00	5.2	5.8	3.00	6.50	8.25	5.92	6.70	Đỗ
200	735200		16/08/2003	12/4	8.0	2	2	3.00	6.8	2.2	3.50	5.00	4.50	4.33	5.61	Đỗ
201	735201		18/11/2003	12/1	7.3	2	2	4.50	3.2	3.2	4.50	5.75	7.50	5.92	5.48	Đỗ
202	735202		09/07/2003	12/2	7.2	2	2	4.50	5.2	3.6	2.75	5.75	6.00	4.83	5.68	Đỗ
203	735203		23/10/2003	12/4	8.1	2	2	3.50	8.6	3.2	3.75	4.50	3.00	3.75	6.11	Đỗ
204	735204		24/10/2003	12/4	8.5	2	2	5.50	8.6	6.0	6.50	8.25	2.25	5.67	7.41	Đỗ
205	735205		01/12/2003	12/4	7.5	2	2	2.50	3.6	5.6	3.25	4.50	5.50	4.42	5.42	Đỗ
206	735206		20/07/2003	12/1	7.6	2	2	4.50	5.0	4.4	3.50	6.00	5.75	5.08	5.95	Đỗ
207	735207		29/01/2003	12/5	8.3	2	2	5.50	7.4	3.6	4.75	6.00	3.00	4.58	6.53	Đỗ
208	735208		28/04/2003	12/5	8.1	2	2	7.75	6.6	3.8	3.75	6.50	8.50	6.25	7.05	Đỗ
209	735209		28/11/2003	12/3	7.5	2	3	5.75	4.4	3.2	2.00	5.75	9.00	5.58	5.91	Đỗ
210	735210		25/01/2002	12/3	6.6	2	3	2.75	2.0	2.8	2.25	3.75	6.50	4.17	4.38	Không
211	735211		28/02/2003	12/4	7.4	2	2	6.00	4.6	2.8	2.75	3.75	4.00	3.50	5.53	Đỗ
212	735212		15/05/2003	12/3	7.0	2	3	3.25	2.2	2.6	2.75	4.75	4.50	4.00	4.56	Đỗ
213	735213		04/01/2003	12/5	9.0	2	2	7.75	8.6	4.6	7.00	7.75	5.00	6.58	7.87	Đỗ
214	735214		26/11/2003	12/2	7.8	2	2	6.00	5.6	3.8	5.50	7.50	8.50	7.17	6.64	Đỗ
215	735215		15/10/2001	12/3	6.3	2	3	1.00	3.6	1.6	2.25	3.25	4.50	3.33	3.91	Không
216	735216		21/10/2003	12/2	7.0	2	2	4.50	2.6	3.8	4.75	7.00	9.00	6.92	5.57	Đỗ
217	735217		10/05/2003	12/1	7.8	2	2	6.00	4.8	4.8	4.25	6.50	7.25	6.00	6.47	Đỗ
		83.9						3	1	0	0	0	0	0	0	182

Vi□t b□i Đ□ng Vĩnh Hi□u
Ch□ nh□t, 20 Tháng 6 2021 18:00 -